

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TCN22B** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02231** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Tin học**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2256201201478	Châu Chí Bình	05/10/2007				9.5	10.0				9.5		9.6
2	2256201201479	Phạm Quốc Duy	10/10/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
3	2256201201480	Nguyễn Tấn Đạt	18/07/1996				9	9.5				9.5		9.4
4	2256201201481	Trần Thành Đạt	05/07/2005				9	9.5				9.5		9.4
5	2256201201483	Lương Anh Kiệt	09/09/2007				8.5	9.0				9.0		8.9
6	2256201201484	Trần Trịnh Quốc Kỳ	02/07/2007				8.5	9.0				9.0		8.9
7	2256201201485	Nguyễn Thành Lợi	05/07/2001				9.5	9.5				9.5		9.5
8	2256201201486	Trần Yến Nhi	20/09/2004				9.5	10.0				9.5		9.6
9	2256201201490	Lê Anh Thư	31/01/2007				9.5	10.0				8.0		8.7
10	2256201201492	Trần Minh Trí	12/04/2007				8.5	9.0				8.5		8.6
11	2256201201494	Lê Thị Đồng	20/08/1992				9.5	10.0				9.5		9.6
12	2256201201495	Võ Hải Khoa	09/09/2007				8	8.5				7.5		7.8
13	2256201201496	Cao Chánh Thông	21/08/2007				8.5	9.0				9.5		9.2
14	2256201201497	Nguyễn Chấn Hưng	04/09/1998											M
15	2256201201498	Nguyễn Văn Sang	22/05/2007				8	8.5				8.0		8.1

Châu Đốc, ngày 22 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Văn Sang